TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ Đ** **TỈNH G L**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 48/2019/QĐST- HNGĐ	*Đ Đ, ngày 04 tháng 6 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 35/2019/TLST – HNGĐ, ngày 15 tháng 3 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị H, sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn 5, xã Đ Kg, huyện Đ Đ, tỉnh G L.

Bị đơn: Anh Trần Như M, sinh năm 1976

Địa chỉ: Thôn 5, xã Đ K, huyện Đ Đ, tỉnh G L.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55; 58; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 5 năm 2019,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 5 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Bùi Thị H và anh Trần Như M.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị H và anh Trần Như M thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Chị Bùi Thị H và anh Trần Như M có 02 con chung là cháu Trần Huy H, sinh ngày 26/12/2003 và Trần Như D sinh ngày 27/2/2006. Hai bên thống nhất thỏa thuận và theo nguyện vọng của cháu Trần Huy H và cháu Trần Như D là giao cháu Trần Huy H, sinh ngày 26/12/2003 cho chị Bùi Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên nhưng bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài

sản để tự nuôi mình và giao cháu Trần Như D, sinh ngày 27/2/2006 cho anh Trần Như M trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên nhưng bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con, không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định việc thay đổi mức cấp dưỡng.

Sự thỏa thuận giao cháu Trần Huy H cho chị Bùi Thị H và giao cháu Trần Như D cho anh Trần Như M nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu Trần Huy H và cháu Trần Như D.

- Về tài sản chung: Chị Bùi Thị H và anh Trần Như M tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Chị Bùi Thị H và anh Trần Như M không có nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: án phí thuận tình ly hôn là 150.000 đ (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*), chị Bùi Thị H và anh Trần Như M mỗi người phải nộp là 75.000đ (*Bảy mươi lăm ngàn đồng*). Chị H tự nguyện nộp cả phần án phí cho cho anh M. Tổng cộng chị Bùi Thị H phải nộp là 150.000 đ *(Một trăm năm mươi ngàn đồng),* nhưng được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 300.000 đ *(Ba trăm ngàn đồng)* chị H được nhận lại 150.000 đ *(Một trăm năm mươi ngàn đồng),* theo biên lai thu số: 0005211 ngày 14/3/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ Đ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Đ Đ;
- UBND xã Đ K;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(Đã ký)
Bùi Viết Minh Quân